Họ và tên: Nguyễn Tiến Đức – Nhóm 10

Mã số sinh viên: 20200172

Use case “Nhập dữ liệu chấm công”

# Đặc tả use case

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case | UC001 | Tên Use case | Nhập dữ liệu chấm công từ file |
| Tác nhân | Quản lý nhân sự, Hệ thống | | |
| Tiền điều kiện | Quản lý nhân sự đã đăng nhập | | |
| Luồng sự kiện chính  (Thành công) | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 1 | Quản lý nhân sự | Chọn chức năng Nhập dữ liệu chấm công | | 2 | Hệ thống | Hiển thị giao diện Nhập dữ liệu chấm công | | 3 | Quản lý nhân sự | Chọn chức năng nhập dữ liệu từ USB | | 4 | Hệ thổng | Hiển thị cửa sổ chọn file | | 5 | Quản lý nhân sự | Cắm USB | | 6 | Quản lý nhân sự | Chọn file | | 7 | Hệ thống | Trích xuất thông tin từ file, lưu vào cơ sở dữ liệu | | 8 | Hệ thống | Thông báo nhập dữ liệu thành công | | | |
| Luồng sự kiện thay thế | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 3a | Quản lý nhân sự | Chọn chức năng nhập từ máy chấm công | | 3b | Hệ thống | Gọi API lấy thông tin từ máy chấm công | | 3c | Hệ thống | Lưu thông tin vào cơ sở dữ liệu | | 7a | Hệ thống | Thông báo lỗi nếu file không đúng định dạng | | | |
| Hậu điều kiện | Dữ liệu chấm công được lưu vào cơ sở dữ liệu | | |

# Biểu đồ hoạt động

A screenshot of a computer

Description automatically generated

# Biều đồ trình tự (Mức phân tích)

A diagram of a diagram

Description automatically generated

# Biểu đồ giao tiếp (Mức phân tích)

A diagram of a diagram

Description automatically generated

# Biểu đồ lớp (Mức phân tích)

A screenshot of a computer

Description automatically generated

# Sơ đồ chuyển màn hình

A diagram of a company

Description automatically generated

# Thiết kế chi tiết màn hình “Nhập dữ liệu chấm công”

## Thiết kế giao diện

A screenshot of a computer

Description automatically generated

## Đặc tả màn hình

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điều khiển** | **Thông tin dữ liệu** | **Loại** | **Thuộc tính** | **Ghi chú** |
| Tên và logo phần mềm | Chứa tên phần mềm & logo của công ty | Text + image | Sự kiện click: Điều hướng tới màn hình chính |  |
| Thanh tìm kiếm | Tìm kiếm các thông tin về nhập dữ liệu chấm công, báo cáo chấm công, tổng hợp chấm công, hoặc thông tin cài đặt tài khoản | Input text | Sự kiện click: Cho phép nhập thông tin vào ô tìm kiếm Sự kiện enter: Hiển thị thông tin tìm kiếm theo từ khóa đã nhập |  |
| Nút menu “Trang chủ” | Điều hướng tới màn hình chính | Button | Sự kiện click: Điều hướng tới màn hình chính, đổi màu text và button |  |
| Nút menu “Nhập dữ liệu chấm công” | Điều hướng tới màn hình “Nhập dữ liệu chấm công” | Button | Sự kiện click: Điều hướng tới màn hình “Nhập dữ liệu chấm công”, đổi màu text và button |  |
| Nút menu “Báo cáo chấm công” | Nút menu đang được chọn, hiển thị giao diện mà người dùng đang tương tác | Button | Sự kiện click: Tải lại màn hình “Báo cáo chấm công” |  |
| Nút menu “Tổng hợp chấm công” | Nút menu chứa nhiều section nhỏ | Button | Sự kiện click: Hiển thị danh sách các nút menu con của “Tổng hợp menu chấm công” | Danh sách được hiển thị dưới dạng dropdown list |
| Thông tin người dùng | Chứa thông tin người dùng đã đăng nhập, gồm avatar, email và tên người dùng | Image + text | Sự kiện click: Điều hướng người dùng tới màn hình Thông tin cá nhân |  |
| Nút “Đăng xuất” | Thực hiện thao tác đăng xuất người dùng | Button + icon | Sự kiện click: Hiển thị màn hình xác nhận đăng xuát, chứa hai lựa chọn “Đăng xuất” và “Cancel” |  |
| Tiêu đề “Báo cáo chấm công” | Tiêu đề của trang menu đang tương tác với người dùng | Text | Hiển thị |  |
| Nhóm thông tin chọn “Đơn vị” | Gồm có dropdown list để chọn đơn vị xem báo cáo | Dropdown list | Sự kiện click: Hiển thị danh sách các đơn vị của công ty, người dùng có thể sử dụng thanh cuộn để kéo xuống cuối danh sách | Khi không được chọn hiển thị đơn vị mặc định (hoặc đơn vị được chọn trước đó) |
| Nhóm thông tin chọn “Thời gian” | QLNS chọn thời gian xem báo cáo (Tổ chức theo tháng/năm) | Dropdown calendar | Sự kiện click: Hiển thị calendar (theo tháng/năm) để xem báo cáo | Khi không được chọn hiển thị tháng gần nhất |
| Nút “Upload dữ liệu chấm công” | QLNS chọn các file dữ liệu theo định dạng yêu cầu của hệ thống | Button + icon | Sự kiện click: Hiển thị ra file dữ liệu trong máy để lựa chọn |  |
| Nút “Xóa file” | Thực hiện thao tác xóa file đã upload nhưng chưa lưu theo yêu cầu của QLNS | Button + icon | Sự kiện click: Xóa file ra khỏi danh sách nhập vào hệ thống |  |
| Nút “Lưu báo cáo” | Thực hiện lưu dữ liệu đã được nhập vào hệ thống | Button | Sự kiện click: Lưu báo cáo |  |

# 8.Biểu đồ lớp (Mức thiết kế)A screenshot of a computer program Description automatically generated